

Số: 95/2026/QĐST - HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2026/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026, về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Chu Văn T**, sinh năm 1994. Địa chỉ: **Thôn Q, xã T, tỉnh Thái Nguyên**.

- Bị đơn: Chị **Dương Thị V**, sinh năm 2001. Địa chỉ: **Thôn Q, xã T, tỉnh Thái Nguyên**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Chu Văn T** và chị **Dương Thị V**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh **Chu Văn T** và chị **Dương Thị V** thuận tình ly hôn.

- **Về con chung** Anh **Chu Văn T** và chị **Dương Thị V** có 01 con chung là **Chu Việt A**, sinh ngày 22/4/2020, hiện nay con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau khi ly hôn giao cho anh **Chu Văn T** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Chu Việt A**, sinh ngày 22/4/2020 kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung** Anh **Chu Văn T** không yêu cầu chị **Dương Thị V** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung**: Anh **Chu Văn T** và chị **Dương Thị V** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về vay nợ chung**: Anh **Chu Văn T** và chị **Dương Thị V** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí**: Nguyên đơn anh **Chu Văn T** tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh **T** đã nộp theo biên lai số 0000136 ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả lại cho anh **Chu Văn T** số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND KV6-TN + BB ghi nhận TTLH 2;
- TA tỉnh Thái Nguyên + BB ghi nhận TTLH 1;
- Phòng THADS KV6 -Thái Nguyên 1;
- UBND xã Tân Kỳ, T.Thái Nguyên (Nơi ĐKKH) 1;
- Đương sự 2;
- Lưu HS 1;
- Lưu VP 1.

THẨM PHÁN

Phạm Tiến Đại

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6-THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2026/QĐST - HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 4 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2026/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026, về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị S**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Tổ D, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên**.

- Bị đơn: Anh **Vũ Công T1**, sinh năm 1967. Địa chỉ: **Tổ D, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều **55, 57, 81, 82, 83, 84** của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của **Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025**; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Phạm Thị S** và anh **Vũ Công T1**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Phạm Thị S** và anh **Vũ Công T1** thuận tình ly hôn.

- **Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị **Phạm Thị S** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Vũ Thị T2**, sinh ngày 01/9/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị **Phạm Thị S** không yêu cầu anh **Vũ Công T1** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Chị **Phạm Thị S** và anh **Vũ Công T1** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Chị **Phạm Thị S** và anh **Vũ Công T1** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 0001002 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các **Điều 6, 7, 7a, 7b** và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV6-TN + BB ghi nhận TTLH 2;
- TA tỉnh Thái Nguyên + BB ghi nhận TTLH 1;
- Phòng THADS KV6 -Thái Nguyên 1;
- UBND phường Đức Xuân,
T.Thái Nguyên (Nơi ĐKKH) 1;
- Dương sự 2;
- Lưu HS 1;
- Lưu VP 1.

THẨM PHÁN

Trần Thị Dương

